



TVSI 

Sàn giao dịch của mọi nhà

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Báo cáo thường niên 2009

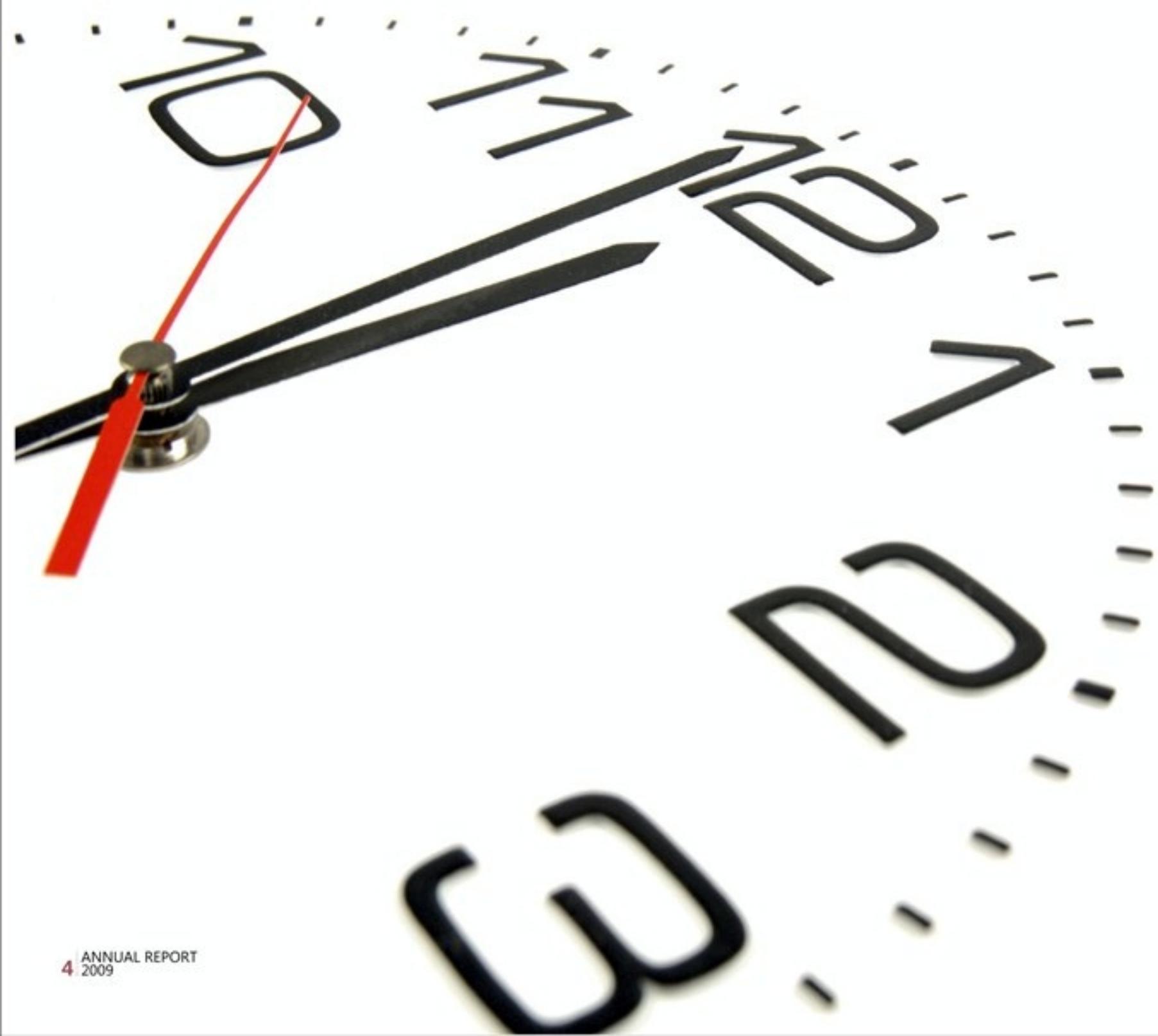
TVSI 

Sàn giao dịch của mọi nhà

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| ■ MỐC SỰ KIỆN TVSI | 4 |
| ■ ĐIỂM NỔI BẬT TVSI | 6 |
| ■ ĐỒI NÉT VỀ TVSI | 8 |
| ■ THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC | 12 |
| ■ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2009 | 14 |
| ■ BAN LÃNH ĐẠO TVSI | 22 |
| ■ CƠ CẤU TỔ CHỨC | 25 |
| ■ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009 | 26 |
| ■ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG TVSI | 42 |
| ■ MẠNG LƯỚI TVSI | 44 |

MỐC SỰ KIỆN
TVSI



12/ 2006 Được UBCKNN cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán.

01/ 2007 Chính thức đi vào hoạt động.

Đối tác Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) tham gia góp vốn với tư cách cổ đông chiến lược.

03/ 2007 Thành viên chính thức của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

04/ 2007 Thành viên chính thức của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Vận hành và ứng dụng thành công công nghệ CORE Broking của nước ngoài trong giao dịch chứng khoán tại TVSI. Đây là nền tảng để phát triển iTrade Home, iTrade Pro được nhà đầu tư chứng khoán đánh giá cao.

07/ 2007 Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

09/ 2008 Tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ đồng lên 128 tỷ đồng. TVSI chuyển nhượng 30% vốn điều lệ cho Công ty VietBridge.

02/ 2009 Hoàn thành kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE và giao dịch từ xa với HNX.

03/ 2009 Đối tác trong nước mua lại toàn bộ 30% vốn của Công ty VietBridge.

04/ 2009 Chính thức tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng. Ngân hàng TMCP Sài Gòn đã nâng tỷ lệ sở hữu tối đa được phép 11% vốn cổ phần của TVSI.

06/ 2009 Thành viên chính thức giao dịch trên sàn UPCoM của HNX.

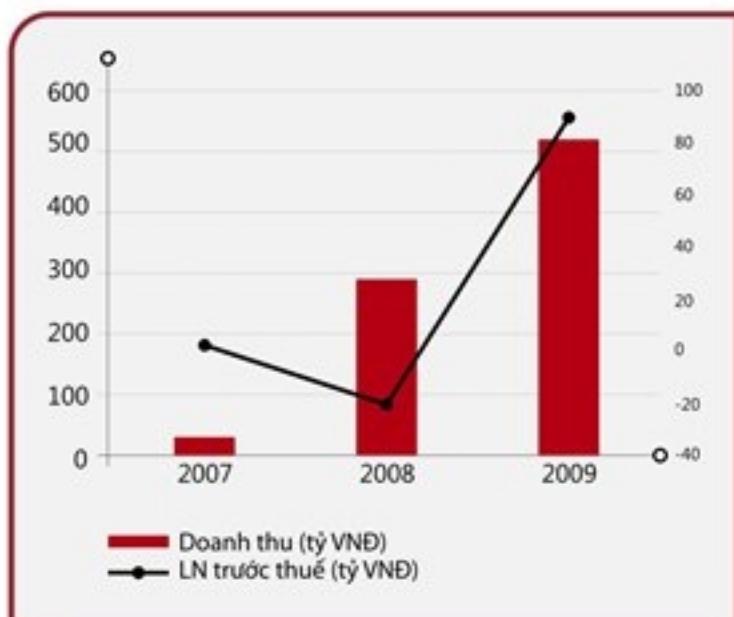
04 - 07/ 2009 Thành lập các Chi nhánh Hoàn Kiếm tại Hà Nội, Chi nhánh An Đông – tại TP. Hồ Chí Minh, Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Đà Nẵng nâng tổng số điểm giao dịch của TVSI lên 20 điểm trên toàn quốc.

08/ 2009 Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu trên toàn quốc với tên viết tắt mới là TVSI. Biểu tượng logo hình tròn tượng trưng cho đồng tiền – biểu tượng của thịnh vượng. Bố cục tổng thể của logo với 2 màu Đỏ Đen nổi bật trên nền trắng, như hình rồng bay lên, mang đủ yếu tố Âm-Dương, Cứng-Mềm, Tinh-Động tượng trưng cho sự phát triển hài hòa, bền vững

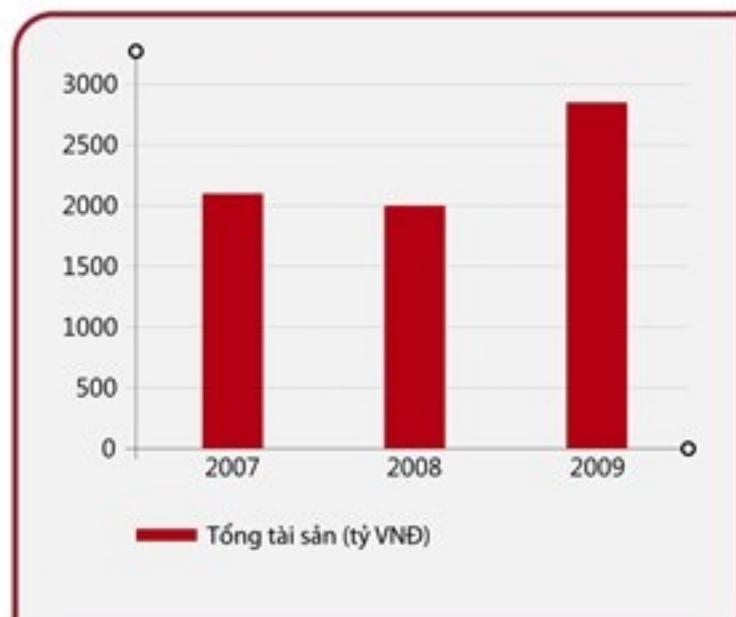
10/ 2009 Triển khai trung tâm dịch vụ KH – Contact Center hiện đại đáp ứng hầu hết các cuộc điện thoại trên cả nước.

ĐIỂM NỔI BẬT
TVSI

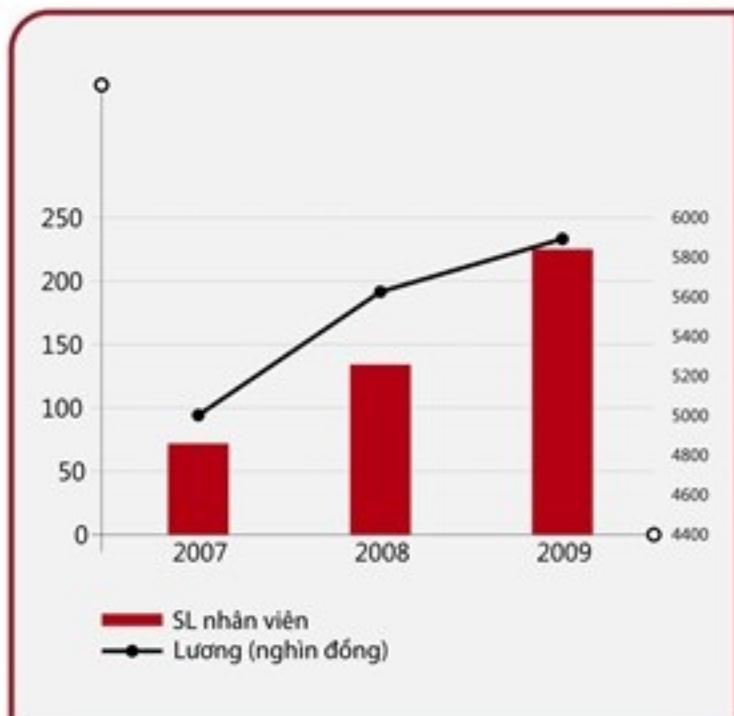




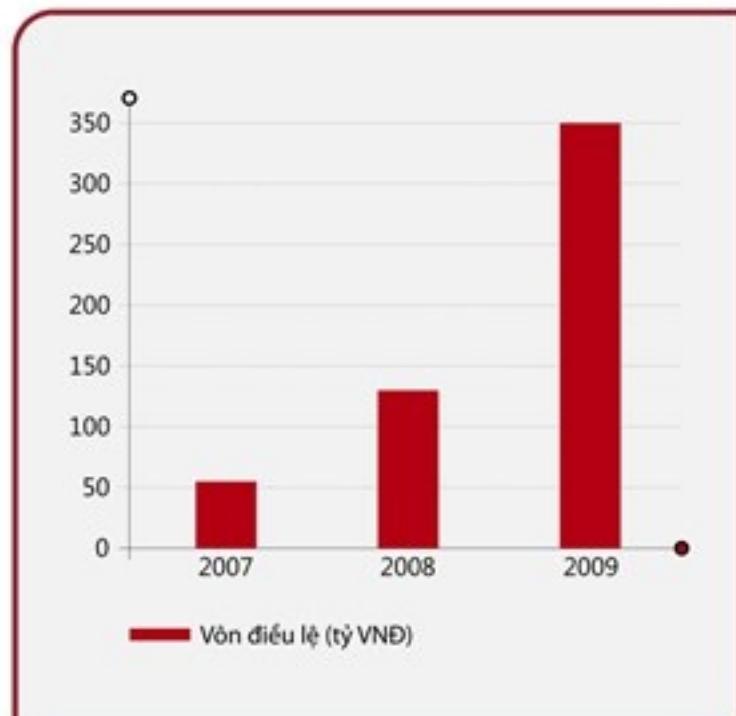
- ✓ Lợi nhuận 2009: 93 tỷ
- ✓ Doanh thu tăng: 88%
- ✓ Khách hàng: tăng gấp 2



- ✓ Tổng tài sản 2009: Tăng 140%



- ✓ Nhân viên tăng 170%
- ✓ Số điểm giao dịch tăng 140%



- ✓ Vốn điều lệ tăng đều các năm
- ✓ Gấp 7 lần sau 3 năm hoạt động

ĐÔI NÉT VỀ
TVSI



Công ty cổ phần chứng khoán Tân Việt (TVSI) là tổ chức cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. TVSI nằm trong TOP 5 các công ty chứng khoán (CTCK) tại Việt Nam xét theo quy mô tổng tài sản, Top 7 hiệu quả hoạt động xét theo ROE, TOP 17 về thị phần môi giới và là CTCK cung cấp mọi nghiệp vụ kinh doanh CK theo luật định.

Thành lập từ năm 2006, TVSI được xem là một trong những CTCK năng động và có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam. Từ vốn điều lệ 55 tỷ đồng, đến tháng 4/2009 TVSI đã tăng vốn thành công lên 350 tỷ đồng và dự kiến sẽ tăng lên 1.000 tỷ trong thời gian tới để hỗ trợ tài chính và công nghệ cho nhà đầu tư (NĐT) một cách tốt nhất.

Tận dụng thế mạnh về đội ngũ nhân sự được chọn lựa kỹ và đã trải qua nhiều thăng trầm cùng TTCK, kết hợp với sự đầu tư bài bản về công nghệ, TVSI cam kết luôn mang lại cho khách hàng sự hài lòng và tin cậy.

CÁC DỊCH VỤ CỦA TVSI

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

TVSI cung cấp các ứng dụng online hết sức thân thiện với khách hàng: Mua bán chứng khoán, Ứng trước tiền bán, Chuyển tiền, Xem bảng giá, Tin tức, Tư vấn... tất cả có thể thực hiện qua máy tính tại nhà hoặc qua điện thoại hoặc tin nhắn.

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Đội ngũ chuyên viên môi giới giàu kinh nghiệm và thân thiện của TVSI luôn tận tình giúp khách hàng nắm bắt nhanh nhất diễn biến thị trường, đưa ra các ý kiến tư vấn và hỗ trợ khách hàng mua bán thành công các mã cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu OTC

TƯ VẤN GIAO DỊCH

Trung tâm nghiên cứu thị trường của TVSI cung cấp cho khách hàng các nhận định và dự báo về thị trường trong ngắn hạn và dài hạn. Các bản báo cáo này đều chịu sự giám sát nghiêm ngặt về quy trình chất lượng và sự chặt chẽ trong thông số kỹ thuật đầu vào cũng như kiểm tra về tính hợp lý của mô hình dự báo nhằm đưa ra sản phẩm tin cậy nhất cho khách hàng..

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

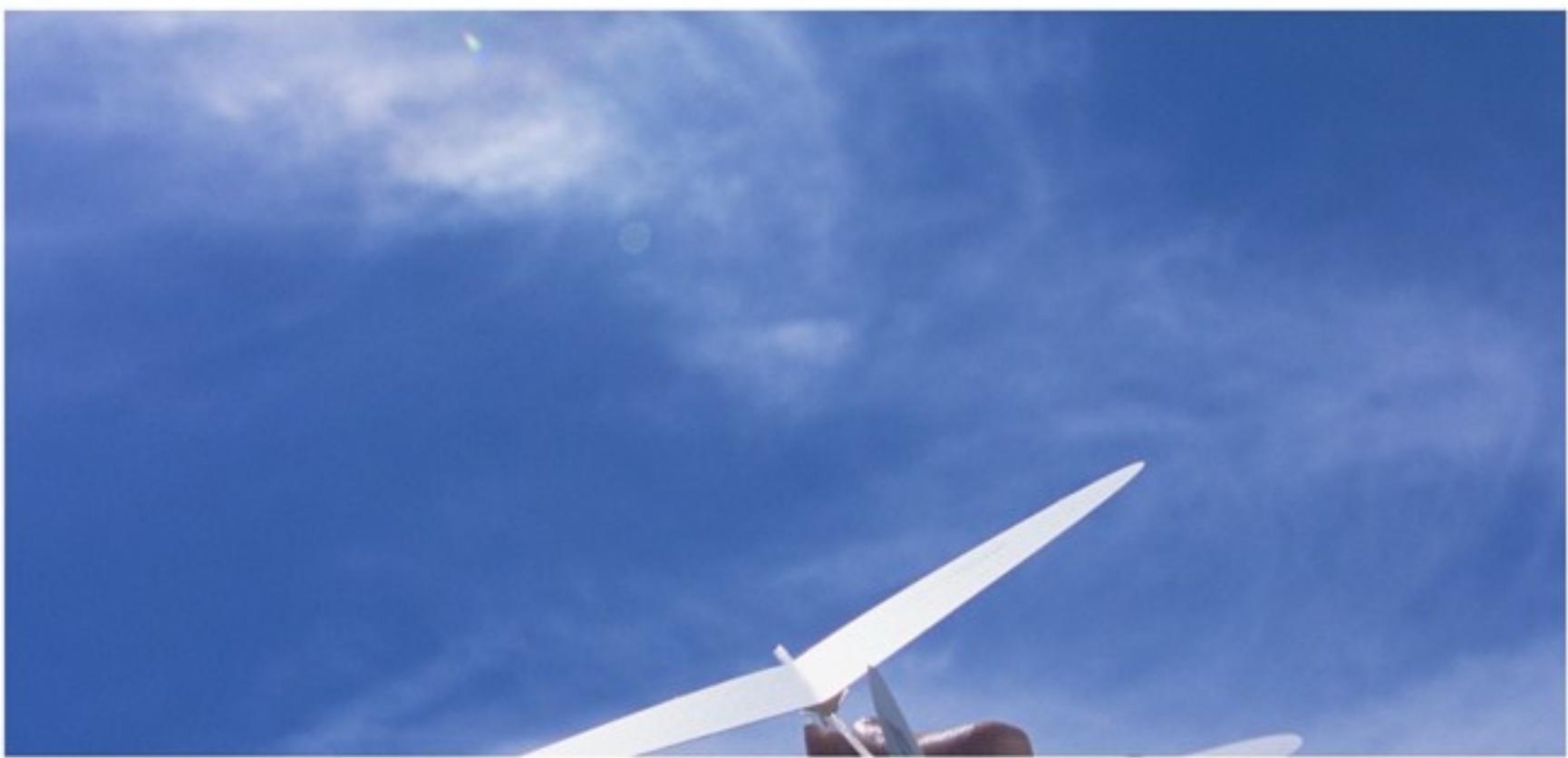
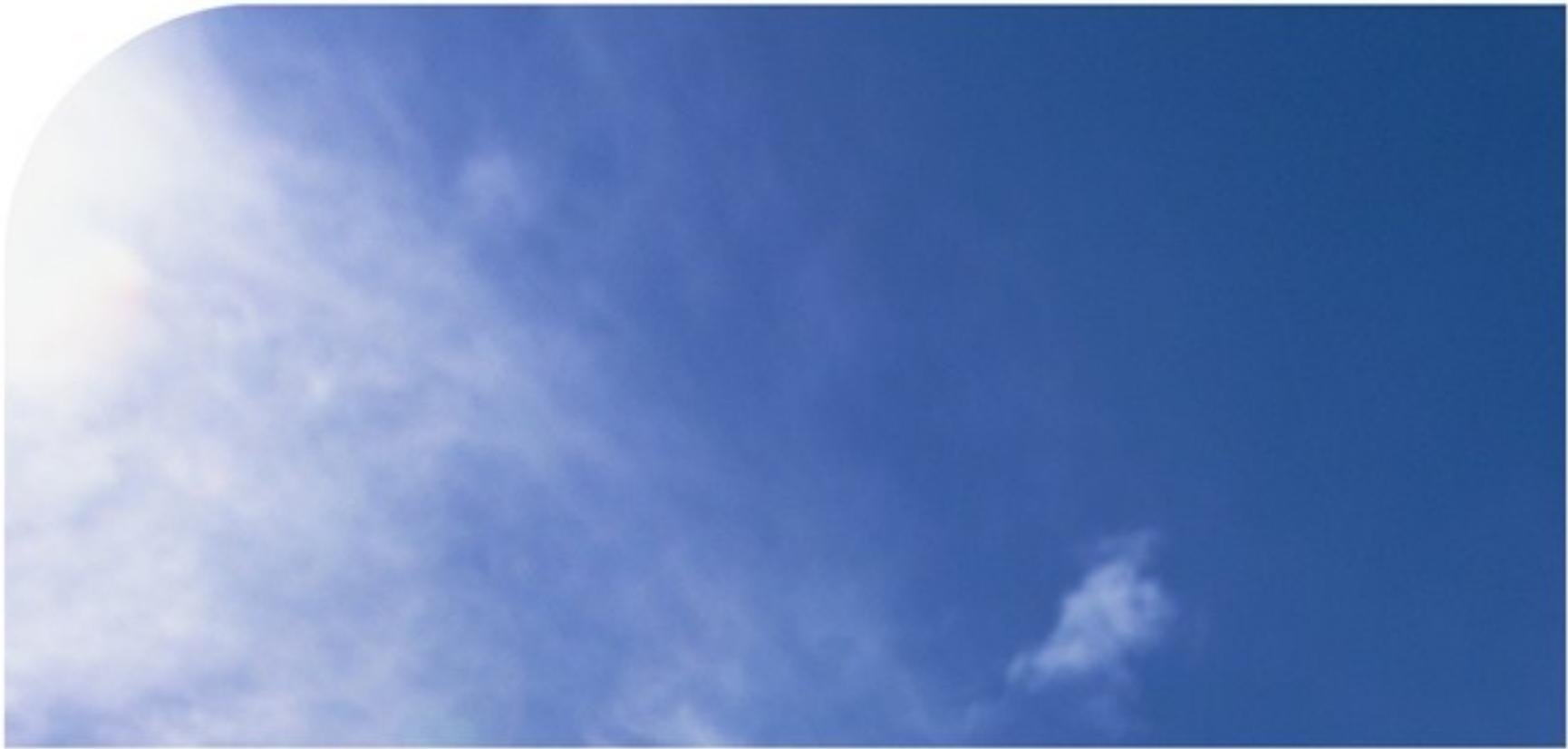
Sản phẩm giao dịch ký quỹ (Margin) của TVSI giúp khách hàng được hỗ trợ tối 150% vốn gốc khi mua chứng khoán. Bên cạnh đó, khách hàng có thể lựa chọn các hình thức hỗ trợ tài chính khác như cầm cố chứng khoán, ứng trước tiền bán... để gia tăng đòn bẩy tài chính của mình

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Các khách hàng lớn của TVSI đều đánh giá cao chất lượng dịch vụ tư vấn do TVSI cung cấp, đặc biệt TVSI được Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đánh giá là 1 trong số ít doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn chất lượng hàng đầu cho các công ty thành viên của SCIC. Thế mạnh của TVSI thể hiện ở hầu hết các mảng như tư vấn phát hành, đấu giá, niêm yết, xác định giá trị doanh nghiệp...

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG (CONTACT CENTER)

Trung tâm Dịch vụ Khách hàng (Contact Center) của TVSI – một trong những trung tâm Contact Center hàng đầu trên TTCKVN với hàng chục chuyên viên được đào tạo chuyên nghiệp và bài bản, hoạt động liên tục 7 ngày trong tuần sẵn sàng nhận lệnh mua bán, giải đáp mọi thắc mắc của khách hàng cũng như hỗ trợ nhà đầu tư với mọi giao dịch phát sinh.



TẨM NHÌN

Trở thành một trong những định chế ngân hàng đầu tư hàng đầu dựa trên hoạt động nền tảng là Môi giới chứng khoán, Dịch vụ hỗ trợ tài chính và Tư vấn tài chính doanh nghiệp

MỤC TIÊU DÀI HẠN

Cung cấp dịch vụ sản phẩm chứng khoán với chất lượng vượt trội, thỏa mãn tốt nhất yêu cầu của Khách hàng.

Tạo điều kiện tốt nhất cho CBCNV phát triển.

Đóng góp lớn vào sự phát triển của ngành chứng khoán và nền kinh tế nước nhà.

Tối đa hóa giá trị cổ đông.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Luôn đi đầu trong việc phát triển sản phẩm mới và phát triển thị trường.

Dịch vụ khách hàng tuyệt hảo.

Tự chủ và phân quyền.

Sáng tạo, trung thực và kiên nhẫn.

Lợi nhuận hợp lý.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý cổ đông/ Quý Khách hàng

Năm 2009 là năm mà TVSI đã có sự chuyển mình và trưởng thành mạnh mẽ. Chỉ sau 3 năm đi vào hoạt động, TVSI đã có mặt tại hầu hết các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bình Định, Đà Nẵng, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long. TVSI cũng tăng vốn lên 350 tỷ đồng (gấp 7 lần) và mở 20 điểm giao dịch hiện đại trên cả nước, sử dụng hệ thống công nghệ trung tâm trị giá hàng triệu đô la. Đi đôi với sự lớn mạnh về tầm vóc, hàng năm đội ngũ nhân sự chất lượng cao của TVSI cũng tăng gấp đôi và liên tục được đào tạo nhằm thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động.

Thành công của năm 2009 cũng chính là kết quả của tinh thần đoàn kết và chiến lược phát triển đúng đắn của TVSI. Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên TVSI đã chung tay chèo lái đưa con thuyền TVSI vượt qua giai đoạn khó khăn 2008 (lỗ 20 tỷ đồng) để đạt được kết quả khả quan năm 2009 (lãi 93 tỷ đồng trước thuế).

Tình hình kinh tế xã hội

Nhìn lại giai đoạn đầu năm 2009, có thể thấy tác động của cuộc khủng hoảng tài chính 2008 của nhiều nền kinh tế lớn đã làm kinh tế thế giới rơi vào suy thoái, ảnh hưởng nặng nề tới kinh tế ta vốn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu và dòng vốn đầu tư nước ngoài. Không chỉ có vậy, tình hình thiên tai dịch bệnh trong nước diễn biến phức tạp cũng ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Tốc độ tăng GDP Quý I 2009 chỉ đạt 3.14% thấp nhất trong nhiều năm gần đây.

Tuy nhiên, nhờ những tác động tích cực từ chính sách kinh tế vĩ mô và chính sách kích cầu hiệu quả, nền kinh tế nước ta đã từng bước phục hồi. Tốc độ tăng GDP của Quý III và IV năm 2009 đều cao hơn so với cùng kỳ năm 2008 chứng tỏ chúng ta đã phần nào vượt qua đáy khủng hoảng. Cuối năm 2009, tốc độ tăng GDP cả năm đạt 5.3%, lạm phát dừng ở mức 6.5% thấp hơn mức 7% do quốc hội đề ra. Sự phục hồi của nền kinh tế chính là bước chuyển mình quan trọng giúp thị trường chứng khoán Việt Nam lấy lại được sinh lực và có giai đoạn tăng trưởng ấn tượng trong suốt Quý II, III.

Kết quả kinh doanh của TVSI

Với hơn 11.000 tài khoản mở mới trong năm 2009, tổng số khách hàng giao dịch tại TVSI đã lên tới 23.000 tài khoản góp phần đưa TVSI trở thành 1 trong những công ty chứng khoán có tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhất. Sự tín nhiệm của khách hàng đã giúp TVSI tăng thị phần từ thứ 22 lên thứ 17, lọt vào nhóm Top 5 công ty chứng khoán có Tổng tài sản lớn nhất và vào Top 7 công ty có hiệu quả kinh doanh cao nhất (xét theo chỉ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu - ROE).

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của TVSI cũng được các đối tác ghi nhận có tính chuyên nghiệp và hiệu quả cao, Tổng Công ty Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)

đánh giá là 1 trong 2 đơn vị có dịch vụ tư vấn tốt nhất dành cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư của SCIC. TVSI đặc biệt mạnh trong hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu với tổng trị giá hợp đồng lên tới 4.400 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp và 1.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi.

Kiên trì theo đuổi chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, trong năm 2009, TVSI đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo phân tích chuyên sâu, đánh giá các vấn đề kinh tế nổi cộm. Ngoài ra công ty đều đặn cung cấp dữ liệu tài chính và các bản tin phân tích, giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận doanh nghiệp từ nhiều khía cạnh và góc độ khác nhau.

Hệ thống công nghệ thông tin được TVSI tiếp tục đầu tư hàng chục tỷ trong năm cho việc ứng dụng mô hình giao dịch trung tâm CORE Broking của nước ngoài, giúp công ty nâng cao hiệu quả sử dụng, vận hành hệ thống đưa vào ứng dụng nhiều dịch vụ/sản phẩm mới tiện lợi (đặt/hủy/sửa lệnh, giao dịch tiền, ứng trước tiền bán, đặt lệnh trước ngày... đều có thể thực hiện qua mạng Internet) trong khi vẫn duy trì tính bảo mật cấp độ cao.

Các dịch vụ, sản phẩm nhằm hỗ trợ khách hàng tối ưu cũng liên tục được TVSI nghiên cứu và giới thiệu như Trung tâm Dịch vụ Khách hàng - Contact Center hoạt động 24/7 hỗ trợ giải đáp mọi yêu cầu, thắc mắc của khách hàng, ứng dụng giao dịch Margin trên tài khoản chứng khoán cho phép khách hàng giao dịch với tỷ lệ ký quỹ lên tới 100%, hệ thống thư thoại và tin nhắn cảnh báo tới khách hàng ngay khi có các thay đổi phát sinh trong tài khoản giúp nhà đầu tư yên tâm về tính minh bạch và an toàn khi mở tài khoản tại TVSI.

Luôn phấn đấu với tôn chỉ là trở thành "sàn giao dịch của mọi nhà", TVSI đã không ngừng hoàn thiện và nâng cấp cơ sở vật chất cũng như nền tảng công nghệ nhằm mang lại sự tiện lợi nhất cho khách hàng.

Năm 2009 đã khép lại và đặt kỳ vọng vào năm 2010 trước vận hội và thời cơ mới. TVSI đang hội tụ đầy đủ sức mạnh đến từ nhân lực, công nghệ và nguồn vốn với hoài bão lớn lao và một tầm nhìn chiến lược đúng đắn. Chúng tôi tin tưởng mình sẽ là nơi mà khách hàng tin cậy cũng như là sự lựa chọn an tâm nhất cho các Quý khách hàng.

Thay mặt ban lãnh đạo, tôi xin cảm ơn sự ủng hộ của khách hàng, cổ đông và đội ngũ nhân viên TVSI trong cố gắng cùng xây dựng TVSI lớn mạnh hơn.

CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KINH DOANH
2009



Trong năm 2009, TVSI luôn bám sát chiến lược đề ra

TIỀN PHONG

TVSI tiếp tục dành những khoản đầu tư lớn nhằm nâng cao tính năng và các sản phẩm hỗ trợ trực tuyến. TVSI là một trong những CTCK đầu tiên được kết nối trực tuyến với Sở giao dịch chứng khoán HCM. Cho đến nay, hơn 85% giao dịch của TVSI được thực hiện online.

PHÁT TRIỂN RỘNG

Chú trọng mở rộng mạng lưới chi nhánh với việc mở thêm 6 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm giao dịch lên 20 tại các thành phố, tỉnh thành lớn trên cả nước. Trong năm 2009, các đại lý nhận lệnh liên kết với SCB giúp TVSI mở rộng mạng lưới và khai thác nhiều địa bàn với chi phí hợp lý nhất.

TẬP TRUNG

Phát triển mạnh nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh. Cung cấp gói sản phẩm tài chính, hỗ trợ đa dạng đáp ứng hầu hết nhu cầu của nhà đầu tư. Các sản phẩm mới của năm 2009 như "Üng tiền, chuyển tiền trực tuyến" đều tập trung hoàn thiện tối đa sự thuận tiện cho nhà đầu tư giao dịch tại TVSI. Điều này luôn nằm trong tôn chỉ phát triển của công ty là trở thành "sàn giao dịch của mọi nhà".

KHÁC BIỆT

Không dừng ở việc hoàn thiện các sản phẩm có sẵn, TVSI năm qua tiếp tục mạnh dạn đầu tư và khuyến khích các ý tưởng sáng tạo, sự khác biệt của TVSI được thể hiện ở việc cho ra đời trung tâm trả lời khách hàng - Contact Center hoạt động 24/7, mở giao dịch margin (hỗ trợ tài chính đến 150%), mở tài khoản trực tuyến; tất cả góp phần tạo nên thương hiệu TVSI với những nét rất riêng so với các CTCK khác.

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC

Trong năm 2009, TVSI tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác truyền thống với SCB, đồng thời mở rộng quan hệ với các ngân hàng hàng đầu khác nhằm cung cấp tốt hơn dịch vụ trọn gói tới khách hàng.

NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Năm 2009 là năm nhiều biến động với nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng. GDP cả năm tăng 5.32% vượt so với kế hoạch 5% với tốc độ tăng dần từng Quý cho thấy đáy của khủng hoảng đã qua. Hậu quả kéo dài từ cơn suy thoái 2008, chính sách siết chặt tiền tệ kiểm chế lạm phát (cả năm chỉ là 6.5%) đã kéo TTCK tụt xuống mức thấp nhất trong 4 năm vào đầu năm 2009. Tuy nhiên, với tác động mạnh mẽ của gói kích cầu của Chính phủ, dòng vốn được khai thông đã kéo thị trường bứt phá mạnh, VN Index đạt trên 600 điểm vào cuối tháng 10 với những phiên giao dịch hàng ngàn tỷ đồng.

Sự bùng nổ của TTCK trong Quý II và III đã lại làm dấy lên làn sóng nhà đầu tư chứng khoán. Các CTCK có lợi

thế vốn từ Ngân hàng mẹ đã đẩy mạnh cung cấp tín dụng cho kinh doanh CK và Top 10 các công ty đã có sự xáo trộn mạnh. Tuy nhiên, đòn bẩy tài chính cao luôn là con dao hai lưỡi, sự đảo chiều của TTCK trong quý IV đã khiến nhiều nhà đầu tư đã phải sớm chia tay với thị trường và để lại nhiều khoản nợ xấu cho CTCK.

Kết thúc năm tài chính 2009, TVSI đã đạt được thành quả như sau: Tổng tài sản 2009 đạt 2,857 tỷ đồng tăng 42.8% so với năm 2008. Doanh thu 2009 đạt 526 tỷ đồng, trong đó thu từ môi giới đạt 37 tỷ, từ tự doanh 79 tỷ, tư vấn 10 tỷ. Lợi nhuận sau thuế đạt 82 tỷ.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2008 (Tỷ đồng) | Thực hiện 2009 (Tỷ đồng) | Kế hoạch 2009 (Tỷ đồng) | Phần trăm thực hiện KH |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 1.997 | 2.857 | 2.000 | 140% |
| | Số lượng tài khoản | 13.000 | 23.000 | 20.000 | 115% |
| 2 | Doanh thu thuần | 290 | 526 | | |
| 3 | Chi phí hoạt động kinh doanh CK | 297 | 421 | | |
| 4 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh CK | -20 | 93 | | |
| 5 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 11 | | |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | -20 | 82 | 35 | 234% |

Kết quả kinh doanh năm 2009 đều vượt xa so với kế hoạch đề ra, riêng với lợi nhuận sau thuế vượt tới 234% kế hoạch cho thấy nỗ lực của toàn thể cán bộ TVSI khắc phục

lỗi của năm 2008. Năm 2009, TVSI là Công ty thuộc TOP 5 xét về tổng tài sản, TOP 7 về hiệu quả kinh doanh cao nhất (xét theo ROE)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng tài sản đạt 2,857 tỷ đồng tăng 42.8% so với năm 2008.

Doanh thu nghiệp vụ kinh doanh chính đạt 163 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 82 tỷ tăng 2,67 lần so KH đề ra.

Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS tính trên số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền): 2.877 VNĐ

Tỷ lệ ROA bình quân = 3,37% (Kế hoạch đề ra 1,56%), ROE bình quân = 31,4% (Kế hoạch đề ra là 10,59%) cao gấp 2 lần ROE bình quân của ngành là 14,5%.

BẢNG SO SÁNH DOANH THU, LỢI NHUẬN, CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ NĂM 2008.

| STT | Chi Tiêu | KH 2009 | Năm 2009 đã kiểm toán | Năm 2008 đã kiểm toán | % tăng giảm so với KH | % tăng giảm so với 2008 |
|-----|-------------------------|----------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| 1 | Doanh thu | 87.704.053.763 | 163.125.839.282 | 70.858.024.822 | 186,0% | 230,2% |
| 2 | Doanh thu thuần về KD | 87.704.053.763 | 163.122.193.167 | 70.838.201.183 | 186,0% | 230,3% |
| 3 | Chi phí hoạt động KD | 42.920.657.286 | 57.729.642.612 | 75.978.297.049 | 134,5% | 76% |
| 4 | Lợi nhuận gộp của HĐKD | 44.783.396.477 | 105.392.550.555 | -5.140.095.866 | 235,3% | -2.050,4% |
| 5 | Chi phí quản lý DN | 11.002.991.717 | 12.562.955.425 | 15.264.665.763 | 114,2% | 82,3% |
| 6 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 33.780.404.760 | 92.829.595.130 | -20.404.761.629 | 274,8% | -454,9% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | | 81.966.319.165 | -20.403.836.877 | | |
| 8 | Lãi cơ bản trên mỗi CP | | 2.877 | | | |
| 9 | ROE sau thuế bình quân | 10,59% | 31,4% | | | |
| 10 | ROA sau thuế bình quân | 1,56% | 3,37% | | | |

Các khoản chi cơ bản như: Lương, văn phòng, và khấu hao TSCĐ được chi trong giới hạn kế hoạch trình trước ĐHCĐ, và có tăng so với năm 2008 do việc mở rộng thêm văn phòng, và tuyển dụng thêm người, cũng như đầu tư máy móc thiết bị mới.

Mặc dù năm 2009 TTCK thuận lợi ngoài mong đợi của hầu hết các Cty CK, Kết quả kinh doanh của các CTCK tập trung vào một số công ty có vốn lớn, và vẫn còn trên 20/105 công ty thua lỗ. So kết quả lợi nhuận với các CTCK có mức lợi nhuận cao nhất, TVSI xếp thứ 7 về kết quả kinh doanh tính theo ROE bình quân.

BẢNG KẾT QUẢ LỖ LÃI VỚI CÁC CTCK HÀNG ĐẦU (THEO TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN BÌNH QUÂN)

| STT | Công ty CK | Vốn chủ sở hữu | Tổng tài sản (tỷ) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ) | EPS | ROA % | ROE% Bình quân |
|-----|-------------|----------------|-------------------|-------------------------|--------------|-------------|----------------|
| 1 | VIS | 206 | 749 | 96 | 4.829 | 12,8% | 60,8% |
| 2 | HBBS | 295 | 642 | 133 | 8.867 | 20,7% | 57,08% |
| 3 | VCBS | 805 | 1.807 | 324 | 4.629 | 17,9% | 50,43% |
| 4 | FPTS | 305 | 1.244 | 120 | 2.727 | 9,6% | 48,19% |
| 5 | VNDS | 541 | 1.799 | 211 | 7.057 | 11,7% | 46,89% |
| 6 | KLS | 1.508 | 2.341 | 352 | 5.088 | 15,0% | 32,11% |
| 7 | TVSI | 408 | 2.857 | 82 | 2.877 | 2,9% | 31,74% |

Nguồn: TVSI tính toán dựa theo Báo cáo Tài chính Kiểm toán 2009 các CTCK

GIÁ TRỊ SỐ SÁCH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2009

Thời điểm 31/12/2009, tổng giá trị tài sản hiện tại theo giá trị sổ sách là 2.857.259.327.093 đồng, giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu là 413.159.779.524 đồng. Tương đương giá trị sổ sách 1 cổ phiếu là 11.804 đồng.

CÁC MÀNG KINH DOANH CHÍNH

MÔI GIỚI VÀ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Năm 2009, TVSI đã mở ra thêm 06 điểm giao dịch, nâng tổng số lên 20 Chi nhánh, Phòng giao dịch. Đến hết tháng 12/2009, TVSI có 23.000 TK khách hàng. Cả năm có 11.000 TK được mở mới nâng thị phần tài khoản TVSI lên 3,1% của thị trường. Tổng giá trị giao dịch tại TVSI trong năm qua đạt 16.000 tỷ đồng. Phí Môi giới của toàn hệ thống đạt 37,4 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỰ DOANH

Vào thời điểm cuối năm 2009, tổng giá trị đầu tư đạt mức 150 tỷ. Tính trong cả năm 2009, tổng giá trị giao dịch của tự doanh xấp xỉ 1.000 tỷ. Tổng lợi nhuận do mảng tự doanh và góp vốn mang lại là 78,8 tỷ. Mức lợi suất của hoạt động tự doanh tương đương lợi suất 74% trên vốn đầu tư bình quân cao hơn mức tỷ lệ tăng trưởng VN-INDEX là 57%.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Trong năm qua, TVSI đã thực hiện thành công các hợp đồng tư vấn quan trọng, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của công ty:

Tư vấn và tổ chức bán đấu giá phần vốn Nhà nước tại 20 doanh nghiệp do SCIC quản lý. Được SCIC đánh giá là công ty tư vấn tốt xếp thứ 2 trong các CTCK tham gia bán đấu giá.

Tư vấn niêm yết và đăng ký giao dịch: 10 doanh nghiệp

Đặc biệt trong năm 2009, TVSI dẫn đầu thị trường trong hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho hàng chục doanh nghiệp với tổng giá trị là 4.400 tỷ đồng và trái phiếu chuyển đổi 1.000 tỷ

BÁO CÁO CÔNG NGHỆ

Đầu năm 2009, TVSI trở thành một trong 17 công ty thực hiện kết nối giao dịch trực tuyến thành công với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Đến tháng 3/2009, TVSI cung cấp giao dịch trực tuyến qua Internet với đầy đủ các tính năng: Giao dịch trực tuyến, quản lý danh mục, chuyển tiền, ứng tiền trực tuyến, giao dịch trước ngày,... Đặc biệt trong năm 2009, IT đã không ngừng nâng cấp các tính năng của các sản phẩm iTrade Home, iTrade Pro để đáp ứng các yêu cầu về giao dịch trực tuyến.

Đầu quý 2/2009, TVSI Nâng cấp thành công CORE giao dịch chứng khoán phiên bản mới nhất của Freewills với các tính năng về ứng tiền, quản lý giao dịch UPCOM, T+, hủy sửa lệnh trực tuyến... Triển khai thành công giao dịch với Sàn UPCOM, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

TVSI không ngừng nâng cấp hệ thống, dịch vụ và đến tháng 9/2009, TVSI là một trong các đơn vị chứng khoán triển khai thành công hệ thống Contact Center hiện đại tích hợp các kênh phục vụ khách hàng như điện thoại, email, fax, sms, chat. Hệ thống Contact Center đã được đưa vào sử dụng.

Để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của Nhà đầu tư, TVSI đã triển khai thành công hệ thống giao dịch Margin hỗ trợ cho cả giao dịch tại quầy và giao dịch trực tuyến vào tháng 10/2009.

Triển khai kết nối giao dịch trực tuyến với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức đi vào hoạt động trong Q1/2010.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA NỘI BỘ

Thực hiện chức năng cảnh báo những vấn đề rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh của công ty, phòng đã đưa ra những cảnh cáo cần thiết đối với các bộ phận trong công ty như: cảnh báo về những khoản nợ quá hạn, kiểm tra các phiếu lệnh mua và bán nhằm phát hiện và cảnh báo những vấn đề liên quan đến yêu cầu của Uỷ ban Chứng khoán, cảnh báo những nguy cơ có thể xuất hiện trong việc kinh doanh của TVSI...

Hoạt động kiểm soát nội bộ đã giúp TVSI hạn chế các thiệt hại về tài chính trong quá trình cấp tín dụng cho khách hàng, ngăn chặn các trường hợp thực hiện sai quy trình...

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH

Trong năm 2009, Trung tâm nghiên cứu phân tích của TVSI đã:

- Cập nhật thông tin tài chính trên website đầy đủ, nội dung phong phú.
- Phát hành các Báo cáo công ty chuẩn bị niêm yết đúng thời điểm cho NĐT cái nhìn toàn diện hơn.
- Phát hành các Báo cáo Kinh tế - Đầu tư tháng, báo cáo Phân tích công ty tiếp tục gây được sự chú ý, được nhiều báo tài chính đăng tải, công chúng biết đến rộng rãi, nhận được nhiều phản hồi, góp ý, đánh giá.
- Cung cấp công cụ đầu tư Investment Tool với các Báo cáo tài chính quý được cập nhật nhanh, chính xác. Hợp tác thực hiện trang chí tiêu tài chính 50 doanh nghiệp có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường đăng trên báo ĐTCK (3 số/tuần)
- Xuất bản EPS Flash Report hàng quý (hơn 455 doanh nghiệp)
- Thực hiện tích hợp các báo cáo Phân tích kỹ thuật trong bản tin

BÁO CÁO CHÍNH SÁCH NHÂN VIÊN

Tính đến cuối năm 2009, toàn thể TVSI có 230 cán bộ nhân viên (148 tại Miền Bắc và 82 tại Miền Nam). Ban lãnh đạo cũng tin cậy và bổ nhiệm gần 40 cán bộ giữ các chức vụ Quản lý các cấp.

Công ty luôn khuyến khích nhân viên làm việc với tinh thần sáng tạo cao và phát huy vai trò chủ động của mình. Mức lương của mỗi cá nhân phản ánh theo đúng thành quả công việc đạt được. Tại TVSI, mỗi ý kiến, đề xuất đều được cân nhắc kỹ càng và được tôn trọng, tinh thần dân chủ đó đã đoàn kết mọi người cùng mạnh dạn đưa ra ý tưởng mới, dám làm và dám đón nhận kết quả. Ban lãnh đạo công ty cũng luôn dành sự quan tâm sâu sắc tới đời sống cán bộ nhân viên với việc tổ chức các kỳ nghỉ hàng năm, mở các khóa đào tạo làm việc nhóm, áp dụng chính sách lương thưởng, đài ngộ và để bạt lình hoạt dựa trên năng lực thực sự của mỗi cá nhân.

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI

Trong năm 2009, TVSI đã xây dựng thành công Branding Guideline và áp dụng đồng bộ trên các văn bản, sản phẩm quảng cáo theo chuẩn logo mới.

Duy trì mối quan hệ với các kênh truyền thông như VTV, báo chí, và quảng cáo trên các Website lớn. Tổ chức các buổi thuyết trình, hội thảo cho nhà đầu tư.

Tổ chức điều tra về chất lượng dịch vụ, và kỳ vọng của khách hàng đối với TVSI.

Trong năm qua, TVSI đã lựa chọn và giới thiệu các cá nhân xuất sắc để giới thiệu kết nạp Đảng. Kết hợp với Liên đoàn Lao động, các đơn vị bạn cùng tổ chức Hội nghị truyền thông về ma túy.

Phong trào văn - thể - mỹ trong công ty cũng không ngừng lên cao với việc tổ chức Giải bóng đá TVSI giao lưu với các công ty Chứng khoán bạn, tổ chức học trang điểm cho chị em, tổ chức chương trình ca nhạc chào Trung Thu cho các cháu thiếu nhi; chương trình Gala mừng sinh nhật công ty và mừng năm mới, tham gia tích cực trong chương trình Liên hoan văn nghệ "Bài ca dâng Đảng" và chào mừng năm mới của quận Tây Hồ.

Kết quả của những phẩn đấu tập thể là sự ghi nhận của các ban ngành Đoàn thể với tập thể TVSI, đáng kể là giải Ba tập thể và một giải Ba cá nhân trong Cuộc thi tìm hiểu Công đoàn Việt Nam 80 năm - một chặng đường; giấy khen Gương người tốt việc tốt; giấy khen Công đoàn có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2009 và Giấy khen thành viên BCHCĐ có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua 2009.

NHỮNG TIẾN BỘ MÀ TVSI ĐẠT ĐƯỢC

Nhờ sự chuẩn bị và chiến lược phát triển đúng đắn, TVSI đã tận dụng tốt thời điểm đào chiểu của thị trường trong những tháng đầu năm 2009.

Thành quả đạt được:

1. Lượng khách hàng tăng mạnh: Đội ngũ sales được nhân rộng tại các địa bàn kinh doanh trong cả nước, cùng với việc nâng cao tiện ích của dịch vụ giao dịch chứng khoán đã góp phần tăng số lượng tài khoản gấp đôi lên 23.310 tài khoản.

2. Mạng lưới hoạt động tiếp tục mở rộng: Từ 15 điểm nhận lệnh trong năm 2008, TVSI đã tăng lên thành 20 với các điểm mở mới tại các trung tâm kinh tế, khu dân cư đông đúc: Hải Phòng, Đà Nẵng, Bạch Mai, Long Biên và Lý Thường Kiệt (HCM).

3. TVSI tăng cường tuyển dụng nhân sự chất lượng: Gần 160 nhân viên được tuyển mới trong năm, TVSI tăng gấp đôi số nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và tăng trưởng của mình. Nhân sự được lựa chọn kỹ càng qua nhiều vòng lọc hồ sơ, phỏng vấn trực tiếp và kiểm tra trình độ.

4. Thương hiệu TVSI được củng cố: Việc xuất hiện đều đặn trên bản tin truyền hình cùng với trang chủ của VnExpress, các bài viết PR, các bài phòng vấn, các chuyên mục hợp tác với báo đài... đã giúp thương hiệu TVSI được nhắc đến và có ấn tượng ban đầu tốt đẹp như một công ty chứng khoán trẻ, có phần mềm giao dịch tiên tiến và nhiều dịch vụ hữu ích.

5. Tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng: Việc tăng vốn nhằm đáp ứng Quy định của UBCK nhưng đồng thời nhằm tạo đà phát triển và tăng tiềm lực công ty lên một tầm cao mới.

6. Tiếp tục gắn kết với đối tác chiến lược Ngân hàng SCB: Trong năm 2009, các Đại lý nhận lệnh liên kết với SCB giúp TVSI mở rộng mạng lưới và khai thác nhiều địa bàn với chi phí hợp lý nhất.

7. Công nghệ không ngừng được đầu tư: Tiếp tục đầu tư công nghệ xây dựng các tính năng mới: Giao dịch ký quỹ, Nâng cấp tính năng iTrade, Ứng tiền, kết nối Upcom, Sàn HN, triển khai T+...

8. Khai trương Contact Center: Việc triển khai Contact Center hoạt động 24/7 là một bước tiến mới của TVSI trong nỗ lực chăm sóc khách hàng tốt hơn.

TVSI CỦA
THÀNH CÔNG



BAN LÃNH ĐẠO
TVSI



CEO



ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG
Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Sáng lập viên

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - ĐH Hawaii, USA
Cử nhân kinh tế - ĐH Tài chính kế toán

Quá trình công tác

1992 - 1994: Nhân viên phòng Kế toán Giao dịch NH Ngoại Thương Việt Nam
1994 - 2001: Chuyên viên phòng Kinh doanh Ngoại tệ NH Ngoại Thương Việt Nam
2001 - 2002: Thành viên Ban triển khai thành lập CTCK NH Ngoại Thương
2002 - 2005: Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
2005 - 2006: Phó Giám đốc NH Ngoại Thương Việt Nam
2006 - 2006: Thành viên Ban Triển khai thành lập Công ty Chứng khoán Tân Việt
2006 - 2009: Tổng Giám đốc TVSI
2009 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc TVSI



ÔNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Sáng lập viên

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - ĐH Kinh tế quốc dân
Kỹ sư tin học - ĐH Tổng hợp Sofia - Bulgari

Quá trình công tác

1992 - 1993: Chuyên viên lập trình Công ty Tin học GENPACIFIC
1993 - 1996: Chuyên viên Nghiên cứu phát triển và Phân tích hệ thống
1997 - 2006: Phó Giám đốc Trung tâm Tin học Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.
2006 - nay: Phó Tổng Giám đốc TVSI, thành viên HĐQT



ÔNG NGHIÊM TIẾN SỸ
Thành viên HĐQT

Thạc sĩ Kinh tế - ĐH Tài chính kế toán
Cử nhân kinh tế - ĐH Tài chính kế toán

Quá trình công tác

1993 - 1994: Cán bộ Nghiệp vụ Công ty phát triển đầu tư Công nghệ FPT - Bộ KHCN và Môi trường.
1994 - 2002: Kế toán trưởng Công ty CP Hỗ Trợ phát triển Tin học HiPT
2002 - 2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hỗ Trợ phát triển Tin học HiPT
2009 - nay: Thành viên HĐQTTVSI
2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc NH Dầu khí toàn cầu



ÔNG LÊ KHÁNH HIỂN
Thành viên HĐQT

Thạc sĩ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
Cử nhân kinh tế - Học viện Ngân hàng
Cử nhân Ngữ văn Anh - ĐH KHXH & NV

Quá trình công tác

1996 - 2000: Chuyên viên Phòng Quản lý Ngoại hối Ngân hàng Nhà nước TP.HCM
2000 - 2005: Chuyên viên Phòng Quản lý các Tổ chức tín dụng Ngân hàng Nhà nước Tp.HCM
2005 - 2007: Chánh văn phòng Ngân hàng TMCP Nam Á, Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định
2007 - 01/2010: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý rủi ro, Thành viên Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng.
2010 - 2010: Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn
2010 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Sài Gòn

QUẢN LÝ CẤP CAO



ÔNG NGUYỄN TIẾN THÀNH
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc chi nhánh HCM

Thạc sĩ Quản lý phát triển
Asian Institute of Management - Philipines
Cử nhân tài chính ngân hàng - ĐH Kinh tế quốc dân

Quá trình công tác

1994 – 2007: Trưởng phòng Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
2007 – 3/2008: Giám đốc Dịch vụ chứng khoán TVSI
2008 – 009: Giám đốc TVSI - CN Hồ Chí Minh
2009 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc TVSI - CN Hồ Chí Minh



ÔNG LÊ THANH TÙNG
Kế toán trưởng

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chương trình cao học Việt - Bỉ
Cử nhân tài chính ngân hàng - Học viện ngân hàng

Quá trình công tác

1997 – 2000: Nhân viên Kế toán Thanh toán – Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
2001 – 2005: Kiểm soát viên P. Thanh toán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.
2005 – 2007: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN. Vinh Phúc.
2007 – 2008: Phó phòng Tài chính kế toán - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính
2008 – nay: Kế toán trưởng TVSI



ÔNG NGHIÊM TRUNG HIẾU
Giám đốc công nghệ thông tin
Giám đốc dịch vụ chứng khoán

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - ĐH Hawaii, USA
Cử nhân tài toán tin - ĐH Tổng hợp

Quá trình công tác

1998 – 2006: Phó Giám đốc công ty giải pháp hệ thống thông tin HiSS, HiPT
2007 – 2010: Giám đốc công nghệ thông tin – TVSI
2010 – nay: Giám đốc công nghệ thông tin kiêm Giám đốc dịch vụ chứng khoán - TVSI



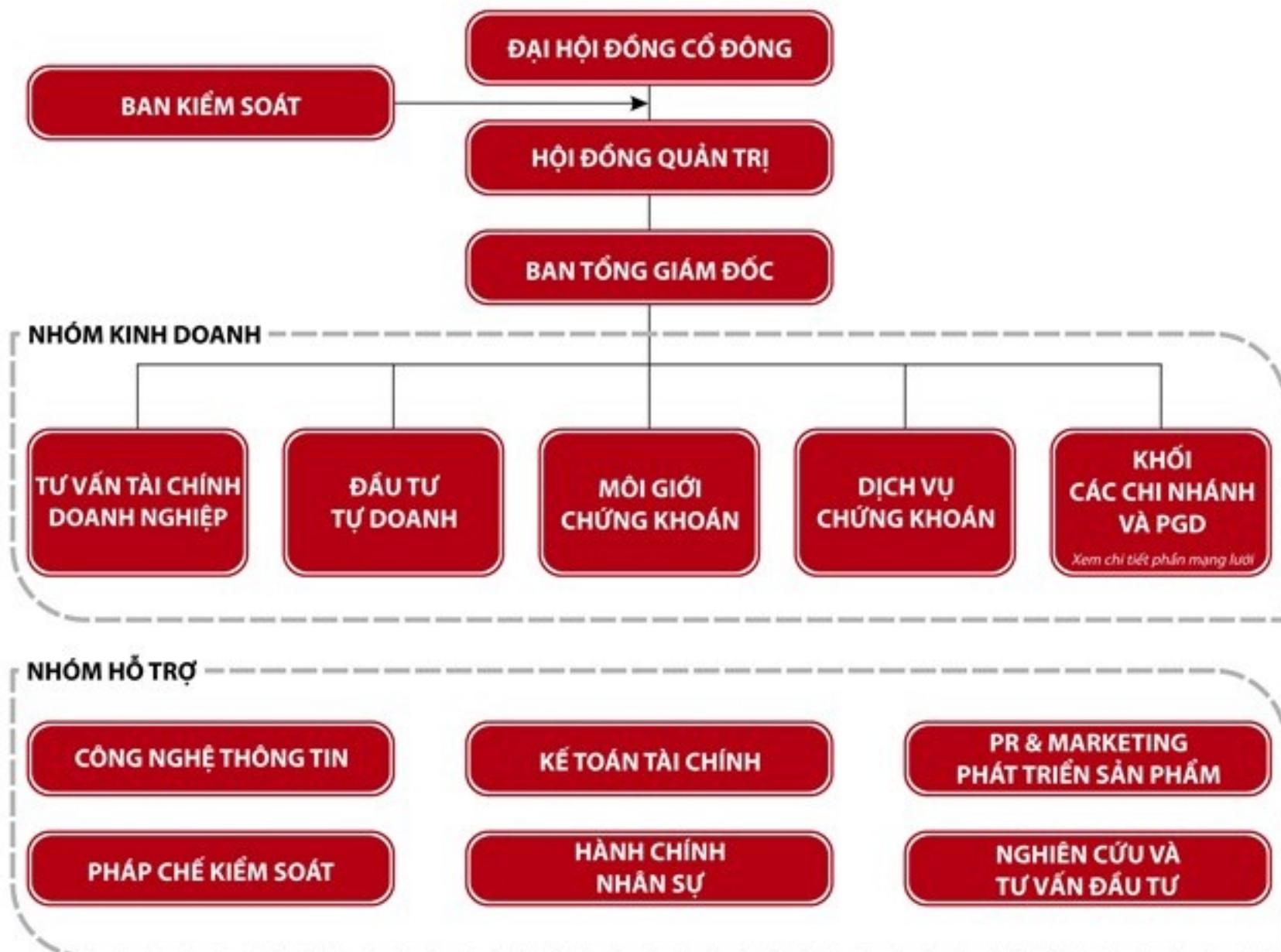
ÔNG HỒ BỬU PHƯƠNG
Giám đốc Tư vấn tài chính DN
Phó giám đốc CN Hồ Chí Minh

Thạc sĩ kế toán Quốc tế - ĐH Swinburne - Australia
Cử nhân kế toán - ĐH Kinh tế TP. HCM
Cử nhân luật kinh tế - ĐH Luật TP. HCM
Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam - CPA

Quá trình công tác

1994 - 1999: Kiểm toán viên Cao cấp – Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
1999 – 2007: Chủ nhiệm Kiểm toán – Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
2007 – 2008: Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp – TVSI – CN Hồ Chí Minh.
2008 – nay: Phó Giám đốc CN Hồ Chí Minh kiêm Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp – TVSI

CƠ CẤU TỔ CHỨC TVSI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| ■ BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 28 |
| ■ BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN | 29 |
| ■ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 30 |
| ■ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 32 |
| ■ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 33 |
| ■ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 34 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên
Ông Nghiêm Tiến Sỹ - Thành viên
Ông Phạm Anh Dũng - Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Dũng - Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường - Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành - Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

BÁO CÁO CỦA
KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần
Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu
chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính
kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
(sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm
phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh
doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên
tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các
nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại
trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các
Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý
kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của
cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoài trừ các vấn đề hạn chế trong phạm vi kiểm toán
dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán
theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn
mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực
hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý

rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.
Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở
chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và
các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng
đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán
được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban
Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông
tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công
việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý
kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh
cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài
chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên
các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt
động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho
năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các
Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt
Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy
định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 03 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0723/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VnĐ

| STT | Tài sản | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|---------------------------------------|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 2.845.309.695.775 | 1.981.251.728.254 |
| I | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN | 110 | 4 | 272.601.963.924 | 90.861.009.064 |
| 1 | Tiền | 111 | | 272.601.963.924 | 90.861.009.064 |
| II | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN | 120 | | 158.224.860.821 | 92.897.894.887 |
| 1 | Đầu tư ngắn hạn | 121 | 5 | 193.621.250.194 | 128.721.354.447 |
| 2 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (35.396.389.373) | (35.828.459.560) |
| III | CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN | 130 | 6 | 2.413.417.311.857 | 1.795.548.550.212 |
| 1 | Phải thu của khách hàng | 131 | | 3.636.338.741 | 72.500.000 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 132 | | 1.559.777.189 | 105.401.900 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 138 | | 2.408.221.195.927 | 1.795.370.648.312 |
| IV | TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC | 150 | | 1.065.559.173 | 1.944.274.091 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 657.833.680 | 1.431.545.817 |
| 2 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 407.725.493 | 512.728.274 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | | | 11.949.631.318 | 16.074.926.759 |
| I | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ) | 220 | | 10.265.545.740 | 13.183.173.437 |
| 1 | TSCĐ hữu hình | 221 | 7 | 9.185.093.461 | 10.803.746.833 |
| | Nguyên giá | 222 | | 20.155.717.315 | 15.946.851.575 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (10.970.623.845) | (5.143.104.742) |
| 2 | TSCĐ vô hình | 227 | | 1.080.425.297 | 2.379.426.604 |
| | Nguyên giá | 228 | | 5.040.823.297 | 4.723.015.550 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.960.371.018) | (2.343.588.946) |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | 107.999.998 |
| II | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN | 250 | | - | 150.000.000 |
| | Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết | 251 | | - | 150.000.000 |
| III | TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC | 260 | | 1.684.085.578 | 2.633.753.324 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 624.200.070 | 2.247.120.000 |
| 2 | Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | | 694.370.506 | 124.489.244 |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 268 | | 365.515.000 | 262.144.080 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | | | | 2.857.295.327.093 | 1.997.326.655.013 |

| STT | Nợ phải trả và nguồn vốn | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
|-----|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| A | NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | | | 2.444.099.547.569 | 1.888.133.194.654 |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 | | 650.299.861.349 | 94.409.338.154 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 8 | 15.000.000.000 | - |
| 2 | Phải trả người bán | 312 | | 1.242.119.872 | 3.366.442.572 |
| 3 | Người mua ứng trước | 313 | | 414.476.900 | 301.476.900 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | 9 | 6.754.032.628 | 335.184.496 |
| 5 | Phải trả nhân viên | 315 | | 553.441.904 | 2.176.749.844 |
| 6 | Chi phí phải trả | 316 | 10 | 363.370.255.280 | 239.931.767 |
| 7 | Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | | 15.393.231 | 9.937.835 |
| 8 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 328 | 11 | 262.950.141.480 | 87.979.611.740 |
| II | NỢ DÀI HẠN | 330 | | 1.793.799.686.220 | 1.793.723.859.500 |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 333 | 12 | 1.793.600.000.000 | 1.793.600.000.000 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 199.686.220 | 123.859.500 |
| B | VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 413.159.779.524 | 109.193.460.359 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 13 | 413.159.107.774 | 109.192.788.609 |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 350.000.000.000 | 128.000.000.000 |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 199.079.724 | 199.079.724 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 62.960.028.050 | (19.006.291.115) |
| II | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 430 | | 671.750 | 671.750 |
| 1 | TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 2.857.259.327.093 | 1.997.326.655.013 |
| 1.1 | CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG | | | 31/12/2009 | 31/12/2008 |
| 1.2 | Chứng khoán lưu ký của các thành viên trong nước | | | 722.865.000.000 | 320.042.430.000 |
| | Chứng khoán tự doanh của công ty | | | 25.362.310.000 | 3.674.440.000 |
| | Chứng khoán lưu ký của nhà đầu tư | | | 697.538.690.000 | 361.367.990.000 |



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 01-CTCK
Đơn vị: VnĐ

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 2009 | 2008 |
|-----|--|-------|-------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | Doanh thu | 01 | | 526.433.739.282 | 291.734.824.822 |
| | Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 37.487.259.354 | 14.716.870.570 |
| | Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | 78.866.981.446 | 3.250.751.511 |
| | Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | 01.3 | | - | 7.312.000 |
| | Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | 10.797.681.610 | 6.198.289.926 |
| | Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá | 01.7 | | 16.240.790 | - |
| | Doanh thu khác | 01.9 | 14 | 399.265.576.082 | 267.561.600.779 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 3.646.115 | 19.823.639 |
| 3 | Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02) | 10 | | 526.430.093.167 | 291.715.001.183 |
| 4 | Chi phí hoạt động kinh doanh | 11 | 15 | 421.037.542.612 | 296.885.097.049 |
| 5 | Lợi nhuận (lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11) | 20 | | 105.392.550.555 | (5.140.095.866) |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 12.562.955.425 | 15.264.665.763 |
| 7 | Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25) | 30 | | 92.829.595.130 | (20.404.761.629) |
| 8 | Thu nhập khác | 31 | | 210.699.841 | 930.277 |
| 9 | Chi phí khác | 32 | | 154.137.500 | 5.525 |
| 10 | Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 56.562.341 | 924.752 |
| 11 | Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 92.886.157.471 | (20.403.836.877) |
| 12 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 17 | 10.919.838.306 | - |
| 13 | Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 81.966.319.165 | (20.403.836.877) |
| 14 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 18 | 2.877 | - |



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2010

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

| STT | Chi tiêu | Mã số | 2009 | 2008 |
|------------|--|-------|-------------------------|--------------------------|
| I | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1 | Lợi nhuận (lỗ) trước thuế | 01 | 92.886.157.417 | (20.403.836.877) |
| 2 | Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| | Khấu hao tài sản cố định | 02 | 7.444.301.184 | 5.534.198.930 |
| | Các khoản dự phòng | 03 | (427.070.187) | 34.523.255.710 |
| | Chi phí lãi vay | 06 | 363.371.483.333 | 220.876.800.000 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 463.274.871.801 | 240.530.417.763 |
| | Tăng/Giảm các khoản phải thu | 09 | (617.664.754.467) | 26.987.341.022 |
| | Tăng/Giảm các khoản phải trả | 11 | 149.543.414.296 | 445.344.361.696 |
| | Giảm chi phí trả trước | 12 | 2.396.632.067 | 355.920.430 |
| | Tiền lãi vay đã trả | 13 | 63.583.333 | (220.876.800.000) |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | 4.151.295.972 | - |
| | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | 1.455.556 | (393.500.000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (6.663.260.052) | (398.740.973.481) |
| II | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1 | Tiền chi để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (4.385.791.488) | (7.052.762.607) |
| 2 | Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | - | (62.087.398.505) |
| 3 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | (64.899.895.747) | - |
| 4 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 27 | 150.000.000 | - |
| 5 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 30 | 20.539.902.147 | 270.186.796.442 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (48.595.785.088) | 201.046.635.330 |
| III | LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | 31 | | |
| 1 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu | 33 | 222.000.000.000 | 73.000.000.000 |
| 2 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | 15.000.000.000 | - |
| 3 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 40 | - | (5.700.000.000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 50 | 237.000.000.000 | 67.300.000.000 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20 + 30 + 40$) | 60 | 181.740.954.860 | (130.394.338.151) |
| | Tiền tồn đầu năm | 70 | 90.861.009.064 | 221.255.347.215 |
| | Tiền tồn cuối năm | | 272.601.936.924 | 90.861.009.064 |

THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN PHÍ TIỀN TỆ

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 32.882.001 VnĐ (2008: 1.434.306.894 VnĐ), là số tiền dùng để mua tài sản cố định phát sinh trong năm mà được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015019 ngày 20 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 40/UBCK-GPHDKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 230 người (31/12/2008: 134 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Tuy nhiên, chưa loại trừ chỉ tiêu Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán khỏi bảng cân đối kế toán.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có

những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Đây là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 228") ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán chưa được niêm yết được thực hiện theo Thông tư 228 và dựa trên giá thị trường được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh được ghi nhận vào chi phí của Công ty trong các giao dịch chứng khoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cách hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi

nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | 2009 Số năm |
|---------------------|----------------|
| Máy móc, thiết bị | 3 - 6 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 6 |
| Phương tiện vận tải | 3 - 6 |
| Tài sản khác | 3 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm ứng dụng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên số tiền chênh lệch giữa giá mua và giá bán chứng khoán.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng và lãi nhận được từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đồn tích.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở đồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền mặt | 4.449.500 | 1.492.357 |
| Tiền gửi ngân hàng | 208.499.577.571 | 88.967.547.971 |
| Tiền gửi ngân hàng của công ty | 13.428.143.178 | 4.911.278.697 |
| Tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư (NĐT) | 195.071.434.393 | 84.056.269.274 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán (CK) | 64.097.936.853 | 1.891.968.736 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của Công ty | 84.488.550 | 172.913.059 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK của NĐT | 64.013.448.303 | 1.719.055.677 |
| | 272.601.963.924 | 90.861.009.064 |

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Chứng khoán tự doanh | | |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 92.005.125.650 | 37.676.854.000 |
| Cổ phiếu niêm yết | 101.615.124.544 | 18.768.268.780 |
| Trái phiếu | 1.000.000 | 1.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | - | 72.275.231.667 |
| | 193.621.250.194 | 128.721.354.447 |
| Trừ: Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh | (35.396.389.373) | (35.823.459.560) |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 158.224.860.821 | 92.897.894.887 |

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2009 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải thu các hợp đồng bán lại đối với CK chưa niêm yết | 1.981.684.000.000 | 1.793.600.000.000 |
| Phải thu các hợp đồng bán lại CK của CTCP Đầu tư An Đông (i) | 1.793.600.000.000 | 1.793.600.000.000 |
| Phải thu các hợp đồng bán lại CK của Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn (SCB) (ii) | 188.084.000.000 | - |
| Lãi dự thu liên quan đến các hợp đồng bán lại đối với CK của CTCP Đầu tư An Đông (iii) | 387.528.426.667 | - |
| Phải thu nhà đầu tư | 37.067.336.080 | 258.890.400 |
| Thu nhập lãi ước tính | 1.935.610.958 | - |
| Phải thu khác | 5.822.222 | 1.511.757.912 |
| | 2.408.221.195.927 | 1.795.370.648.312 |

(I) Phải thu liên quan đến các Hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông với giá bằng mệnh giá. Tại ngày 31/12/2009, Công ty đã tiến hành đánh giá các hợp đồng bán lại một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc ghi nhận như trên là phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty.

(ii) Phải thu liên quan đến các Hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("SCB") với giá 20.000 VND/một cổ phần. Cổ phiếu của SCB là cổ phiếu của công ty đại chúng chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty đã thực hiện thu thập báo giá trực tiếp của 3 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, Công ty Cổ phần Chứng khoán Click&Phone, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành đến thời điểm phát hành báo

cáo tài chính. Giá của chứng khoán theo các báo giá này có thể sẽ khác với giá giao dịch thực tế. Tuy nhiên, Công ty đã tiến hành đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng vào khả năng thu hồi và quyết định không lập dự phòng cho các khoản phải thu này.

(iii) Trong năm, các nhà đầu tư đã ký Giấy nhận nợ và cam kết thanh toán với Công ty liên quan đến các Hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông, trong đó cam kết sẽ thanh toán số tiền giá trị gia tăng theo hợp đồng tại ngày 31/12/2009. Hạn thanh toán theo các giấy nhận nợ này là 31/12/2010. Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng vào khả năng thu hồi của khoản phải thu lãi này và ghi nhận doanh thu tương ứng (xem Thuyết minh số 14)

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Máy móc, thiết bị VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận tải VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2009 | 13.276.951.382 | 1.399.788.681 | 996.322.500 | 273.789.012 | 15.946.851.575 |
| Tăng trong năm | 2.372.889.541 | 1.779.155.499 | 69.920.700 | - | 4.221.965.740 |
| Giảm trong năm | - | 13.100.000 | - | - | 13.100.000 |
| Tại ngày 31/12/2009 | 15.649.840.923 | 3.165.844.180 | 1.066.243.200 | 273.789.012 | 20.155.717.315 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2009 | 4.146.913.070 | 651.382.553 | 193.655.583 | 151.153.536 | 5.143.104.742 |
| Khấu hao trong năm | 4.395.282.761 | 1.127.505.102 | 261.112.693 | 91.263.000 | 5.839.163.556 |
| Giảm trong năm | - | 11.644.444 | - | - | 11.644.444 |
| Tại ngày 31/12/2009 | 8.506.195.831 | 1.767.243.211 | 454.768.276 | 242.416.536 | 10.970.623.854 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 21/12/2008 | 9.130.038.312 | 748.406.128 | 802.666.917 | 122.635.476 | 10.803.746.833 |
| Tại ngày 21/12/2009 | 7.143.645.092 | 1.398.600.969 | 611.474.924 | 31.372.476 | 9.185.093.461 |

8. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

Bao gồm khoản vay liên quan đến Hợp đồng mua lại cổ phiếu chưa niêm yết theo Hợp đồng mua bán kỳ hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đầu khí ngày 22 tháng 12 năm 2009 với giá bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Theo đó, Công ty có quyền mua lại cổ phiếu tại ngày đáo hạn hợp đồng (ngày 22 tháng 6 năm 2010) với giá 10.780 VND/cổ phần.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|------------------------------|----------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | | 234.840.663 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 211.732.898 | 100.343.833 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.542.299.784 | - |
| | 6.754.032.628 | 335.184.496 |

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|-----------------------|------------------------|--------------------|
| Chi phí phải trả (i) | 363.307.900.000 | 6.764.489 |
| Chi phí phải trả khác | 62.355.280 | 233.167.278 |
| | 363.370.255.280 | 239.931.767 |

(i) Bao gồm khoản chi phí lãi phải trả với số tiền là 363.307.900.000 VND đối với các khoản ký quỹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Thịnh Phát theo hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phiếu số 08/2008/HĐDV/VTP-TVSI ngày 03/11/2008 (xem Thuyết minh số 12).

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

| | 31/12/2009 VND | 31/12/2008 VND |
|---|------------------------|--------------------|
| Tiền gửi thanh toán giao dịch CK của nhà đầu tư | 259.084.882.696 | 6.764.489 |
| Phải trả, phải nộp khác | 3.865.258.784 | 233.167.278 |
| | 262.950.141.480 | 239.931.767 |

12. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Bao gồm khoản ký quỹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Thịnh Phát cho hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phiếu số 08/2008/HĐDV/VTP-TVSI ngày 03/11/2008 với tổng giá trị theo hợp đồng là 2.008 tỷ VND. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2009, số tiền thực tế của các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Thịnh Phát chuyển vào tài khoản của Công ty là 1.793,6 tỷ VND.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | LNST chưa phân phối VND | Tổng VND |
|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------|
| Số dư tại 1/1/2008 | 55.000.000.000 | 199.079.724 | 1.791.717.512 | 56.990.797.236 |
| Góp vốn trong năm | 73.000.000.000 | - | - | 73.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | (20.403.836.877) | (20.403.836.877) |
| Giảm khác | - | - | (394.171.750) | (394.171.750) |
| Số dư tại 1/1/2009 | 128.000.000.000 | 199.079.724 | (19.006.291.115) | 109.192.788.609 |
| Tăng trong năm | 222.000.000.000 | - | - | 222.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 81.966.319.165 | 81.966.319.165 |
| Số dư tại 31/12/2009 | 350.000.000.000 | 199.079.724 | 62.960.028.050 | 413.159.107.774 |

Vốn điều lệ

Ngày 17 tháng 04 năm 2009, Công ty nhận được Công văn số 230/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 76/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/03/2009 và chấp nhận việc miễn nhiệm và chuyển nhượng cổ phần đứng tên cổ đông sáng lập là ông Trần Việt Đức và ông Vũ Thành Trung cho cổ đông sáng lập là ông Nguyễn Việt Cường theo Nghị quyết số 70B/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 3 năm 2009.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

| Cổ đông | Theo giấy phép hoạt động kinh doanh '000 VND | Vốn đã góp tại ngày 31/12/2009 '000 VND % | | Vốn đã góp tại ngày 31/12/2008 '000 VND % | |
|--------------------------------|--|---|---------------|---|---------------|
| | | '000 VND | % | '000 VND | % |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | 68.627.390 | 68.627.390 | 19,60 | 11.054.590 | 8,64 |
| Ông Nguyễn Việt Cường | 62.809.030 | 62.809.030 | 17,95 | 11.054.590 | 8,64 |
| NH Thương mại Cổ phần Sài Gòn | 38.500.000 | 38.500.000 | 11,00 | 11.054.590 | 8,64 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT | 11.054.590 | 11.054.590 | 3,16 | 11.054.590 | 8,64 |
| Công ty Quản lý quỹ VietBridge | - | - | 0,00 | 38.400.000 | 30,00 |
| Ông Trần Việt Đức | - | - | 0,00 | 22.481.790 | 17,56 |
| Ông Vũ Thành Trung | - | - | 0,00 | 10.099.850 | 7,89 |
| Các cổ đông khác | 169.008.990 | 169.008.990 | 48,29 | 12.800.000 | 10,00 |
| | 350.000.000 | 350.000.000 | 100,00 | 128.000.000 | 100,00 |

14. DOANH THU KHÁC

| | 2009 VND | 2008 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Lãi thu các hợp đồng bán lại (Xem thuyết minh 06) | 387.528.426.667 | 259.723.800.001 |
| Lãi tiền gửi | 11.680.239.791 | 7.683.446.280 |
| Chênh lệch tỉ giá phát sinh | 28.689.008 | 22.609.978 |
| Doanh thu khác | 28.220.616 | 131.744.520 |
| | 399.265.576.082 | 267.561.600.779 |

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | 2009 VND | 2008 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí môi giới chứng khoán (CK) cho người đầu tư | 7.352.525.552 | 8.425.247.042 |
| Chi phí hoạt động tự doanh CK | 14.243.601.984 | 11.525.037.044 |
| Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư CK và tài chính | 123.936.339 | 1.871.401.261 |
| Chi phí hoạt động lưu ký CK cho nhà đầu tư | 170.063.670 | 493.187.668 |
| Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng | (427.070.187) | 34.523.255.710 |
| Chi phí vay vốn kinh doanh | 363.371.483.333 | 220.919.800.000 |
| Chi phí lãi vay theo khoản ký quỹ của | 363.307.900.000 | 220.876.800.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Thịnh Phát (Xem thuyết minh số 10 và 12) | | |
| Chi phí vốn kinh doanh khác | 63.583.333 | 43.000.000 |
| Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh CK | 23.063.202.304 | 16.233.236.132 |
| Chi phí lương | 11.214.138.981 | 9.252.879.640 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.621.436.839 | 3.203.287.948 |
| Chi phí trực tiếp khác | 5.217.626.484 | 3.777.068.544 |
| Chi phí khác | 13.139.799.617 | 2.863.932.192 |
| | 421.037.542.612 | 296.855.097.049 |

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2009 VND | 2008 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương | 5.183.127.295 | 4.562.072.061 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 779.106.271 | 2.332.175.773 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 647.793.924 | 1.382.662.441 |
| Chi phí thuê văn phòng | 1.558.533.405 | 2.638.149.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.934.693.248 | 2.406.620.772 |
| Chi phí khác | 2.459.701.282 | 1.942.985.716 |
| | 12.562.955.425 | 15.264.665.763 |

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

| | 2009 VND | 2008 VND |
|---|-----------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 92.886.157.471 | (20.403.836.877) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (8.859.662.356) | (195.729.798) |
| Trừ: Lỗ các năm trước mang sang | (22.898.711.476) | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 1.362.292.396 | - |
| Thu nhập chịu thuế | 62.339.076.035 | (20.599.566.675) |
| Thuế suất | 25% | 28% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 15.599.769.009 | - |
| Trừ: 30% Thuế thu nhập được miễn giảm (*) | (4.679.930.703) | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 10.919.838.306 | - |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

(*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn việc giảm và gia hạn nộp thuế TNDN, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong quý IV năm 2008 và năm 2009. Số thuế được giảm của quý IV năm 2008 bằng 0 (không) do Công ty bị lỗ trong quý này.

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 31/12/2009 |
|--|----------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | |
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty (VND) | 81.966.319.165 |
| Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 28.492.055 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 2.877 |
| Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND) | 10.000 |

19. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 2009 VND | 2008 VND |
|-----------------------|----------------------|---------------|
| Trong vòng một năm | 7.270.529.699 | 3.238.600.428 |
| Từ 2 năm đến 5 năm | 13.833.442.146 | 1.833.516.000 |
| 21.103.971.845 | 5.072.116.428 | |

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | 2009 VND | 2008 VND |
|---------------------------|---------------|-------------|
| Thu nhập của Ban Giám đốc | 1.583.628.400 | 734.000.000 |

21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

| CHỈ TIÊU | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 | |
|-------------------------------|--|---|
| | Khối lượng giao dịch | Giá trị giao dịch VND |
| 1. Chứng khoán tự doanh | | |
| Cổ phiếu | 15.273.713 | 684.201.502.900 |
| 2. Chứng khoán của nhà đầu tư | | |
| Cổ phiếu | 485.743.097 501.016.810 | 15.069.683.903.100 15.753.885.406.000 |

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 29 tháng 03 năm 2010, Công ty đã thực hiện thanh lý các Hợp đồng bán lại với các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông ("An Đông") và Hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phiếu với Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Thịnh Phát ("Vạn Thịnh Phát"). Công ty đã thu bao gồm cả tiền gốc và lãi từ các cổ đông của An Đông với số

tiền là 2.265.308.053.333 VND và đã thanh toán khoản ký quỹ cho Vạn Thịnh Phát bao gồm cả gốc và lãi với số tiền là 2.236.926.000.000 VND. Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/3/2010 đã không bao gồm các khoản phải thu từ các Hợp đồng bán lại và khoản phải trả dài hạn khác từ Hợp đồng tư vấn với Công ty Vạn Thịnh Phát.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

TVSI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. THAY ĐỔI VỀ CỔ PHẦN

Năm 2009, TVSI hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng, đối tác chiến lược SCB đã nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần TVSI lên mức tối đa cho phép là 11%

2. TỔNG SỐ CỔ PHẦN THEO TỪNG LOẠI

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 35.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ: không có.
Cổ phiếu loại khác: không có.
Cổ tức: 16.8%

3. CƠ CẤU TỶ LỆ TỔ CHỨC

| | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ lệ % |
|------------------------|----------------------|----------------------|------------|
| Cổ đông sáng lập | 14.249.101 | 142.49 | 40.71 |
| Cổ đông sở hữu trên 5% | 3.850.000 | 38.50 | 11.00 |
| Cổ đông sở hữu từ 1-5% | 15.984.399 | 159.84 | 45.67 |
| Cổ đông sở hữu dưới 1% | 916.500 | 9.16 | 2.62 |
| Tổng cộng | 350.000.000 | 350.00 | 100 |

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CHI TIẾT THEO CHỨC DANH

| | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ lệ % |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|--------------|
| Cổ đông nội bộ | | | |
| Cổ đông sáng lập | 14.249.101 | 142.49 | 40.71 |
| Hội đồng quản trị | 18.099.101 | 180.99 | 51.71 |
| Ban Giám đốc | 13.218.642 | 132.18 | 37.77 |
| Ban Kiểm soát | 31.000 | 0.31 | 0.09 |
| Kế toán trưởng | 52.600 | 0.52 | 0.15 |
| Cổ đông Cán bộ nhân viên | 544.600 | 5.44 | 1.55 |
| Cổ đông ngoài công ty | 16.229.299 | 162.29 | 46.37 |

MẠNG LƯỚI TVSI



TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (TVSI)

Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 3728 0921 * Fax: (84 4) 3728 0920

CHI NHÁNH

TVSI - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Số 193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Quận 1, HCMC

Điện thoại: (84 8) 3838 6868 * Fax : (84 8)3920 7542

TVSI - CHI NHÁNH HOÀN KIẾM

Số 26C Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 3933 2233 * Fax : (84 4) 3933 5120

TVSI - CHI NHÁNH AN ĐÔNG

Số 95A Nguyễn Duy Dương, P.9, Quận 5, HCMC

Điện thoại: (84 8) 3830 6632 * Fax: (84 8) 3830 6547 /41

TVSI - CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 2, 78 Lý Thánh Tôn, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (84 58) 381 6868 * Fax : 058. 382 8279

TVSI - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 19 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

Điện thoại: (84 31) 375 7556 * Fax: (84 31) 375 7560

TVSI - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Số 114 Quang Trung, Đà Nẵng

Điện thoại: (84 511) 375 2282 * Fax: (84 511) 375 2283

TVSI - CHI NHÁNH QUY NHƠN

Số 1 Nguyễn Tất Thành, Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại : (84 56) 381 8840 * Fax : (84 56) 381 8820

PHÒNG GIAO DỊCH

TVSI - PGD LÁNG HẠ

Số 9 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 3514 9033 * Fax: (84 4) 3514 9107

TVSI - PGD CỘNG HÒA

Số 347 Cộng Hòa, P.13, Quận Tân Bình, HCMC

Điện thoại: (84 8) 3813 2972 /71 * Fax : (84 8) 3813 2970

TVSI - PGD LONG BIÊN

Số 409 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 3873 7180 * Fax: (84 4) 3873 7184

TVSI - PGD NGUYỄN VĂN TRỎI

Số 307/5 Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Quận Tân Bình, HCMC

Điện thoại: (84 8) 3997 7110 * Fax: (84 8) 3997 7109

TVSI - PGD BẠCH MAI

Tầng 6, Số 297 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 3627 6510 * Fax: (84 4) 3627 6513

TVSI - PGD LÝ THƯỜNG KIỆT

Số 479 -479A Lý Thường Kiệt, P.8, Quận Tân Bình, HCMC

Điện thoại: (84 8) 3971 8286 * Fax: (84 8) 3971 8285

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

QUẢNG NINH

Số 20 Trần Hưng Đạo, Hạ Long

Điện thoại: (84 33) 351 8390 * Fax: (84 33) 351 8391

DAKLAK

Số 159 Hoàng Diệu, Buôn Ma Thuột

Điện thoại: (84 500) 384 3396 * Fax: (84 500) 384 3069

VĨNH LONG

Số 11-11A,B,C Phạm Thái Bường, Vĩnh Long

Điện thoại : (84 70) 385 3533 * Fax: (84 70) 385 3535

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: (84 4) 3728 0921 Fax: (84 4) 3728 0920

Chi nhánh Hồ Chí Minh: 193-203 Trần Hưng Đạo, Cô Giang, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84 8) 3838 6868 Fax: (84 8) 3920 7542

Contact Center: (+84 4) 3728 1818
Email: contact@tysi.com.vn Website: www.tysi.com.vn